

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Ông Trịnh Văn Đoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963. Có mặt

- Bị đơn: Bà Võ Thị V, sinh năm: 1962. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H và bà V tự nguyện về chung sống với nhau năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là hai vợ ông H và bà V đều có con riêng, cả hai đều cảm thấy người kia đối xử với các con không bình đẳng nên gây ra khúc mắc giữa hai bên, thường xuyên cãi nhau, tranh giành tài sản cho các con. Mặc dù hai vợ chồng vẫn còn sống chung với nhau nhưng không còn tình cảm với nhau, không quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy, ông H yêu cầu được ly hôn với bà V.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông H và bà V không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H khai để hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H khai trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Trong quá trình giải quyết, bà V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không tiến hành thu thập được ý kiến của bà V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc ly hôn với bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị V cư trú tại tổ 6, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Bà V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt bà V theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của ông H tại Tòa có trong hồ sơ thấy rằng: ông H và bà V tự nguyện chung sống với nhau năm 2000 mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và hướng dẫn tại điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000, Điều 2 Nghị định 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính phủ thì trường hợp này không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà V đã nghiêm trọng, không ai còn quan tâm đến ai, hôn nhân không hạnh phúc nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H, tuyên không công nhận ông H và bà V là vợ chồng.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Quan điểm của địa diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 11, 85, 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

Căn cứ Điều 2 Nghị định 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị V là vợ chồng.

Về con chung: Không có, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001879 ngày 02/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

[4]. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải